

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI TUẤN VIỆT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI TUẤN VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107005473

**3. Ngày thành lập:** 25/09/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Xóm Chợ, thôn Bạch Liên, Xã Liên Phương, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0433850038

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2511        |
| 2.  | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                                                                                  | 2591        |
| 3.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                      | 2592        |
| 4.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1622        |
| 5.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                          | 1629        |
| 6.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1811        |
| 7.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1812        |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>chi tiết:<br>Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>Bán buôn xi măng<br>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>Bán buôn kính xây dựng<br>Bán buôn sơn, vécni<br>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>Bán buôn đồ ngũ kim | 4663        |
| 9.  | Bán buôn tổng hợp<br>(loại Nhà nước cho phép)                                                                                                                                                                                                                                                     | 4690        |
| 10. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4100(Chính) |
| 11. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                         | 4210        |
| 12. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4220        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | <p>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như:</li> <li>+ Các nhà máy lọc dầu,</li> <li>+ Các xưởng hoá chất,</li> <li>- Xây dựng công trình cửa như:</li> <li>+ Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống...</li> <li>+ Đập và đê.</li> <li>- Xây dựng đường hầm ;</li> <li>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.</li> </ul> | 4290 |
| 14. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4311 |
| 15. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4312 |
| 16. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4321 |
| 17. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4322 |
| 18. | <p>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thang máy, cầu thang tự động,</li> <li>+ Các loại cửa tự động,</li> <li>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,</li> <li>+ Hệ thống hút bụi,</li> <li>+ Hệ thống âm thanh,</li> <li>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.</li> </ul>                                                                                                                                                                                               | 4329 |
| 19. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4330 |
| 20. | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc,</li> <li>+ Thử độ ẩm và các công việc thử nước,</li> <li>+ Chống ẩm các toà nhà,</li> <li>+ Chôn chân trụ,</li> <li>+ Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất,</li> <li>+ Uốn thép,</li> <li>+ Xây gạch và đặt đá,</li> <li>- Các công việc dưới bề mặt ;</li> <li>- Xây dựng bề bơi ngoài trời ;</li> </ul>                                                                    | 4390 |
| 21. | Đại lý, môi giới, đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4610 |
| 22. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4632 |
| 23. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4641 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>chi tiết:<br>Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm                                                                                                                      | 4649 |
| 25. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>chi tiết:<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị y tế | 4659 |
| 26. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>chi tiết:<br>Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                | 4773 |
| 27. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4932 |
| 28. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4933 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (loại Nhà nước cho phép)<br>( Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).                                                                                                                                                              | 8299 |
| 30. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8560 |
| 31. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7020 |
| 32. | Quảng cáo<br>(loại Nhà nước cho phép)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7310 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 33. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng chi tiết:<br>Thiết kế công trình giao thông<br>Thiết kế điện - cơ điện công trình<br>Thiết kế cấp thoát nước<br>Thiết kế kiến trúc công trình<br>Thiết kế nội ngoại thất công trình<br>Thiết kế kết cấu công trình<br>Giám sát thi công xây dựng các công trình giao thông, công trình điện<br>Giám sát lắp đặt thiết bị công trình | 7410 |
| 34. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7911 |
| 35. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7912 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.600.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: LÊ ANH TUẤN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 16/09/1971 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 111637453

Ngày cấp: 01/07/2011 Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Chợ, thôn Bạch Liên, Xã Liên Phương, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Chợ, thôn Bạch Liên, Xã Liên Phương, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

Họ và tên: LÊ ANH TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 16/09/1971 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 111637453

Ngày cấp: 01/07/2011 Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Xóm Chợ, thôn Bạch Liên, Xã Liên Phương, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Xóm Chợ, thôn Bạch Liên, Xã Liên Phương, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội